

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **146/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-5-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 969/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXX-ST ngày 28/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thu Th, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: tổ 9, khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Hồ B, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: 24/5, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hồ B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trịnh Thu Th trình bày:

Bà và ông Hồ B chung sống tự nguyện năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 349, quyển số 02/2008 ngày 26/11/2008. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần cùng ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho bà ly hôn với ông B để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà Th đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Hồ B đã được Tòa án xác minh địa chỉ cư trú tại Công an phường T, thành phố B ngày 11/11/2021, theo nội dung văn bản xác minh thì ông B có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 24/5, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông B vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thu Th đối với ông Hồ B: về quan hệ hôn nhân cho bà Thuỷ được ly hôn với ông B; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do bà Thuỷ khai không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp

Bà Trịnh Thu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hồ B. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Th là nguyên đơn, ông B là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ B có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của bà Thuỷ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Trịnh Thu Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Hồ B, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th, ông B theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung tranh chấp

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thu Th và ông Hồ B chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 349, quyển số 02/2008 ngày 26/11/2008. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà Thuỷ và ông B là hợp pháp.

Xét thấy, bà Thuỷ xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã cố gắng hòa giải những mâu thuẫn để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Đến thời điểm bà Thuỷ khởi kiện, vợ chồng đã ly thân được gần 03 năm.

Đối với ông B, theo kết quả xác minh tại Công an phường T ngày 11/11/2021, xác định hiện nay ông B vẫn cư trú tại địa phương, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông B vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông B có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ. Mặc dù biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 11/11/2021, nơi bà Th và ông B sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân của bà Thủy, ông B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì các đương sự không trình báo với địa phương, không yêu cầu địa phương can thiệp, hòa giải. Hiện nay bà Th và ông B đã sống ly thân, tại địa chỉ 24/5, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chỉ có ông B sống, bà Th không sinh sống tại địa chỉ trên. Bà Th xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, bà Th ông B có nợ ai hay không địa phương không biết.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà Th và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Trịnh Thu Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Bà Trịnh Thu Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Bà Trịnh Thu Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Thu Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thu Th đối với ông Hồ B về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thu Th được ly hôn ông Hồ B.

- Về con chung: Bà Trịnh Thu Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trịnh Thu Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trịnh Thu Th khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết

2. Về án phí:

Bà Trịnh Thu Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000998 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai; bà Thuỷ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**